TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N, TỈNH N

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Án số: 121/2018/HNGĐ - ST
Ngày 31 - 8 - 2018
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Huê
2. Ông Đào Văn Rạng

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Trần Trọng Ích - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa***: Ông Trần Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2018/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018. Về vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXXST - DS ngày 25 tháng 7 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2018/QĐST - HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018 giữa:

+ Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức T - Sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Sa Thượng, xã H, huyện N, tỉnh N.

+ Bị đơn: Chị Hoàng Thị H - Sinh năm 1991

Địa chỉ: Xóm 6, xã N, huyện N, tỉnh N.

Tại phiên tòa có mặt anh T, vắng chị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện lập ngày 05/4/2018 cũng như lời khai của nguyên đơn là anh Nguyễn Đức T trong quá trình giải quyết trình bày: Anh kết hôn với chị Hoàng

Thị H vào tháng 3/2013, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh N. Sau khi kết hôn anh và chị H sống chung hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không được cải thiện. Đã nhiều lần chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, lần thứ nhất là tháng 8/2015 và lần cuối cùng là tháng 01/2018. Từ đầu năm 2018 đến nay giữa anh và chị H chấm dứt mọi quan hệ với nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn nên anh xin được ly hôn chị Hoàng Thị H. Về con chung giữa anh và chị Hoàng Thị H có một con chung là Nguyễn Gia Bsinh ngày 27/9/2014, hiện đang do anh nuôi dưỡng. Nay anh xin được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Gia Bvà không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Về tài sản chung giữa anh và chị H không có nên anh không yêu cầu giải quyết về tài sản. Về án phí dân sự sơ thẩm anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay chị Hoàng Thị H vắng mặt, nhưng có lời khai của ông Hoàng Văn Thịnh là bố đẻ của H trình bày: Chị Hoàng Thị H kết hôn với anh Nguyễn Đức Tvào năm 2013, sau khi kết hôn được khoảng một năm thì anh T và chị H xảy ra mâu thuẫn, do việc anh T hay đánh đập chị H. Đầu năm 2018 chị H về nhà ông ở đến nay. Giữa chị H và anh T có một con chung là Nguyễn Gia B sinh ngày 27/9/2014, hiện đang do anh T nuôi dưỡng. Khi biết anh T làm đơn xin ly hôn chị H thì gia đình ông đã động viên chị H là nếu không sống chung được thì giải thoát cho nhau nhưng chị H không nghe mà nói là tùy anh T và không cho gia đình ông nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án và chị H nói là không đến Tòa án giải quyết mà đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng, qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: đề nghị áp dụng Điều 56; 81; 82; 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: xử ly hôn giữa anh Nguyễn Đức T và chị Hoàng Thị H. Về con chung: giao cháu Nguyễn Gia B sinh ngày 27/9/2014 cho anh Nguyễn Đức T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Hoàng Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên án phí dân sự sơ thẩm anh T phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Đức T và chị Hoàng Thị H đều cư trú tại huyện N, tỉnh N, anh T có đơn xin ly hôn chị H và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị Hoàng Thị H vắng mặt nhưng Tòa án nhân dân huyện N đã tống đạt hợp lệ phiên tòa lần thứ hai cho chị H vì vậy Tòa án nhân dân huyện N xét xử vắng mặt chị H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn Đức T và chị Hoàng Thị H được tổ chức kết hôn vào tháng 3/2013, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh T và chị H có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân do anh T và chị H không hợp tính nhau nên thường xảy cãi chửi nhau. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng không được cải thiện, từ đầu năm 2018 đến nay anh T và chị H sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay anhT xin ly hôn chị H nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Nguyễn Đức T và chị Hoàng Thị H có một con chung là Nguyễn Gia B sinh ngày 27/9/2014. Anh T xin được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Gia B và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Phía chị H vắng mặt trong quá trình giải quyết và không có ý kiến gì về giải quyết việc nuôi con chung. Thấy hiện tại cháu Nguyễn Gia B đang do anh T nuôi dưỡng và đề nghị của anh T xin được nuôi cháu bảo và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên chấp nhận là phù hợp.

[4] Về tài sản: Anh Nguyễn Đức T khai xác định giữa anh và chị Hoàng Thị H không có tài sản chung và anh không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm anh Nguyễn Đức T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147; 271; 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 6; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử ly hôn giữa anh Nguyễn Đức T và chị Hoàng Thị H.

2- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia B sinh ngày 27/9/2014 cho anh Nguyễn Đức T trực tiếp nuôi dưỡng (anh Nguyễn Đức T đang quản lý nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia B). Chị Hoàng Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nguyễn Đức T đối với cháu Nguyễn Gia B. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3- Án phí dân sự sơ thẩm anh Nguyễn Đức T phải nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh Nguyễn Đức T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: BB/2012/006280 ngày 05/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Anh Nguyễn Đức T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh T, vắng mặt chị H. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKSND. H N;
- Chi cục THADS. H N;
- UBND xã H;
- Lưu.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Huê **Đào Văn Rạng** **Trần Xuân Dũng**